TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MT** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2017/DS-ST
Ngày: 17/8/2017
"*V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MT, TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Linh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Dương Sinh Huy**

2. Bà **Cao Thị Thu Hiền**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Lê Thị Thanh Thủy**

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện MT tham gia phiên tòa*: Ông **Huỳnh Hữu Tài** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện MT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2017/TLST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2017 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2017/QĐXX- ST ngày 14 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Kim T**, sinh năm: 1972 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp ĐT B, xã AP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Bà **Phan Thị L**, sinh năm: 1966 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp PA, xã AP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03/3/2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Trần Thị Kim T trình bày: Ngày 20/5/2016 bà Phan Thị L có hỏi vay của bà T số tiền 17.000.000đ, có biên nhận, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay 01 tháng từ ngày 20/5/2016 đến ngày 21/6/2016. Đến ngày 04/6/2016 bà T có cho bà Phan Thị L vay tiếp số tiền 38.000.000đ, có biên nhận nợ cùng ngày, vay không lãi suất, thời hạn vay là 01 tháng từ ngày 04/6/2016 đến ngày 05/7/2016 trả hết nợ, mục đích vay mua xe ba gác, từ ngày nhận tiền đến nay bà L không trả vốn cho tôi.

Ngày 16/8/2016 bà L có vay tiền góp của bà T là 5.000.000đ, sau đó cùng ngày vay tiếp của bà T 3.000.000đ tổng cộng là 8.000.000đ đối với số tiền này giữa bà T và bà L không có làm biên nhận.

Ngày 23/8/2016 bà T có cho bà L vay tiếp số tiền 10.000.000đ không có làm biện nhận.

Nay bà Trần Thị Kim T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phan Thị L có nghĩa vụ trả số tiền vốn của 02 khoản nợ có biên nhận nợ vào các ngày 20/5/2016 và ngày 04/6/2016 là 55.000.000đ và khoản tiền vay ngày 16/8/2016 và ngày 23/8/2016 không có biên nhận là 18.000.000đ. Tổng cộng là 72.000.000đ không yêu cầu tính lãi.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp L cho bà Phan Thị L các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án dân sự sơ thẩm số: 29/TB-TLVA ngày 17/4/2017, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ số: 20/TB-TA ngày 15/6/2017, nhưng bà L không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không đến Tòa án trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại phiên tòa hôm nay bà Trần Thị Kim T trình bày: Bà T rút yêu cầu đòi bà L phải trả số tiền 18.000.000đ vay các ngày 16/8/2016 và 23/8/2016 do không có biên nhận. Chỉ yêu cầu Tòa án buộc bà Phan Thị L có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền vay 55.000.000đ có biên nhận ngày 20/5/2016 và 04/6/2014, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Phan Thị L vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng : Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán; Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng qui định của pháp luật, việc thu thập chứng cứ và thực hiện mở phiên tòa bảo đảm đúng thủ tục tố tụng. Về bị đơn đã được tống đạt

và niêm yết các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến nên giải quyết vắng mặt đối với bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay 18.000.000đ do không có biên nhận nợ theo trình bày của bà T cho bà L vay vào các ngày 16/8/2016 và 23/8/2016 bà T rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện, do đó đề nghị đình chỉ đối với yêu cầu này. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn Phan Thị L phải trả cho nguyên đơn Trần Thị Kim T số tiền vay là 55.000.000đ không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngày 14/7/2017, Tòa án mở phiên tòa lần thứ nhất, bà Phan Thị L đã được tống đạt và niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập nhưng vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa hôm nay, bà L đã được tống đạt và niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Như vậy, bà L đã được tống đạt hợp L các văn bản tố tụng và giấy triệu tập hai lần nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với yêu cầu buộc bà Phan Thị L trả số tiền vay ngày 16/8/2016 là 5.000.000đ, sau đó cùng ngày vay tiếp 3.000.000đ tổng cộng là 8.000.000đ và ngày 23/8/2016 bà Trần Thị Kim T cho bà L vay tiếp số tiền 10.000.000đ không có làm biện nhận. Tổng cộng là 18.000.000đ, mặc dù tại đơn khởi kiện ngày 03/3/2017 bà Trần Thị Kim T đã yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng đến ngày 21/6/2017 và tại phiên tòa sơ thẩm bà Trần Thị Kim T xin rút yêu cầu buộc bà Phan Thị L trả 18.000.000đ do không có biên nhận. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ đối với một phần yêu cầu bà T đã rút.

[2]. Về nội dung: Theo lời trình bày của nguyên đơn thì bà Phan Thị L có vay tiền của bà T hai lần vào ngày 20/5/2016 bà L vay 17.000.000đ có làm biên nhận thời hại trả là ngày 21/6/2016 lãi suất hai bên tự thỏa thuận. Đến ngày

04/6/2016 bà L tiếp tục vay của bà T 38.000.000đ có làm biên nhận không lãi suất thời hạn trả là ngày 05/7/2016, như vậy bà L vay của bà T tổng cộng là 55.000.000đ theo hai biên nhận nợ, bà T khởi kiện yêu cầu bà L trả số tiền vay 55.000.000đ. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bà Phan Thị L hợp lệ nhưng bà L không đến Tòa án để thực hiện nghĩa vụ chứng minh nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do bà T cung cấp buộc bà L có nghĩa vụ phải hoàn trả toàn bộ số tiền vay 55.000.000 đồng cho bà T.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim T, buộc bà Phan Thị L có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền vay đã nhận là 55.000.000 đồng.

[3] Về án phí: Bà Phan Thị L phải chịu án phí đối với số tiền buộc phải trả cho bà T số tiền 55.000.000đ x 5% = 2.750.000đ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim T.

Buộc bà Phan Thị L trả cho bà Trần Thị Kim T số tiền 55.000.000đ (Năm mươi lăm triệu đồng).

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc bà Phan Thị L trả 18.000.000đ tiền vay của bà Trần Thị Kim T, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Buộc bà Phan Thị L phải chịu 2.750.000 đồng (Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Trần Thị Kim T số tiền tạm ứng án phí 1.825.000 đồng (Một triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005562 ngày 17/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện MT.

Kể từ ngày bà Trần Thị Kim T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Phan Thị L chưa chịu trả các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND nơi cư trú./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh VL: 01
- VKSND huyện MT: 01
- Chi cục THADS HMT: 01
- Đương sự: 02
- Lưu: 04

Huỳnh Thị Linh